

Số:99/KH- THCS

*Bình Lộc*, ngày 05 tháng 9 năm 2026

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**  
**NĂM HỌC 2026 – 2027**

Năm học 2026-2027 có ý nghĩa quan trọng trong việc cụ thể hóa Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW vào công tác quản lý giáo dục, quản trị nhà trường, tổ chức dạy học, giáo dục và rèn luyện học sinh; đồng thời là năm học ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố tổ chức thực hiện Chương trình hành động của UBND thành phố Đồng Nai về thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về phát động đợt thi đua đặc biệt 500 ngày đêm “Đoàn kết - Kỷ cương - Hiệu quả - Bứt phá, xây dựng Đồng Nai phát triển văn minh, hiện đại”;

Thực hiện Công văn số 5208/BGDDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027;

Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của UBND thành phố ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2026-2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

Căn cứ công văn số 4200 /SGDDĐT-GDPT&GDTX ngày 22/8/2026 của Sở GD&ĐT tỉnh Đồng Nai về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2025 - 2026 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2026 - 2027.

Trường THCS Chu Văn An xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2026- 2027 như sau:

**I. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2026 - 2027**

**1. Đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương**

Phường Bình Lộc sau khi sáp nhập các đơn vị hành chính (phường Suối Tre, xã Bình Lộc và xã Xuân Thiện) có diện tích tự nhiên 77,21 km<sup>2</sup>, dân số ước tính khoảng 36.195 người, mật độ dân số trung bình 468 người/km<sup>2</sup>. Với quy mô lớn và nguồn lực dồi dào, Bình Lộc có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển hạ tầng, mở rộng không gian đô thị và thu hút các dự án đầu tư. Vị trí địa lý của phường giữ vai trò cửa ngõ kết nối TP. Hồ Chí Minh, Lâm Đồng và các tỉnh miền

Tây, tạo lợi thế phát triển giao thương, logistics, công nghiệp và dịch vụ. Việc hợp nhất các đơn vị hành chính không chỉ góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý mà còn mở ra cơ hội quy hoạch các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư mới, biến Bình Lộc trở thành cực tăng trưởng mới của tỉnh Đồng Nai. Đồng thời, phường còn giữ vai trò cân bằng phát triển giữa vùng ven và trung tâm, góp phần lan tỏa tiến trình đô thị hóa và hiện đại hóa trên địa bàn.

So với các phường lân cận, phường Bình Lộc có ưu thế nổi bật về quỹ đất rộng, dân số đông, tiềm năng phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực đô thị, công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao. Đây là những điều kiện thuận lợi để địa phương thu hút đầu tư, phát triển kinh tế – xã hội, đồng thời mở ra nhiều cơ hội để các cơ sở giáo dục trên địa bàn, trong đó có Trường THCS Chu Văn An, khai thác và gắn kết trong công tác giáo dục, đào tạo học sinh.

Trong những năm qua, tình hình kinh tế – xã hội, an ninh – quốc phòng của địa phương có nhiều chuyển biến tích cực. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao. Các phong trào như: văn hóa – văn nghệ, nhân đạo – từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, phòng chống tội phạm, xây dựng phường văn minh đô thị... được triển khai sâu rộng và nhận được sự hưởng ứng tích cực từ nhân dân, góp phần quan trọng trong việc giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế bền vững.

Những điều kiện thuận lợi nêu trên đã tạo ra nhiều cơ hội để nhà trường triển khai các hoạt động giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng dạy học, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống, giáo dục đạo đức và giá trị truyền thống cho học sinh. Đồng thời, sự quan tâm của phụ huynh và cộng đồng ngày càng tăng, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường trong việc huy động nguồn lực xã hội hóa giáo dục.

Tuy nhiên, bên cạnh thuận lợi, nhà trường cũng đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, cụ thể:

Công tác quản lý và tiếp nhận học sinh ngày càng phức tạp do biến động dân số cơ học và tốc độ đô thị hóa nhanh.

Việc dự báo quy mô phát triển trường, lớp và số lượng học sinh trong các năm học tới gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến công tác xây dựng kế hoạch biên chế và tổ chức lớp học.

Công tác tham mưu với UBND phường và các phòng, ban chức năng của thành phố trong việc tuyển dụng nhân sự, đặc biệt là giáo viên các môn đặc thù, còn gặp nhiều hạn chế do quy trình và chỉ tiêu tuyển dụng.

Những thách thức này đòi hỏi nhà trường cần tiếp tục chủ động phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng để kịp thời có giải pháp điều chỉnh, thích ứng và đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục trong bối cảnh mới.

## **2. Đặc điểm tình hình nhà trường.**

### 2.1. Đặc điểm học sinh nhà trường.

- Tổng số học sinh lứa tuổi THCS: 11 tuổi: 149 trẻ; 12 tuổi: 170 trẻ; 13 tuổi: 188 trẻ; 14 tuổi: 179 trẻ; 15 tuổi: 8 trẻ, 16 tuổi: 2 trẻ.

- Tổng số học sinh: 696 học sinh. Chia ra,

+ Khối 6: 157; Khối 7: 176; Khối 8: 183; Khối 9: 180

+ Trong đó, nữ: 333 học sinh; học sinh dân tộc: 35 học sinh, nữ: 16 học sinh dân tộc; học sinh học hòa nhập: 19 học sinh, nữ 2 học sinh học hòa nhập.

- Tổng số lớp: 18 lớp. Chia ra,

+ Khối 6: 4 lớp; Khối 7: 4 lớp; Khối 8: 5 lớp; Khối 9: 5 lớp.

+ Trong đó, số lớp có học sinh học hòa nhập: 13 lớp.

- Tỷ lệ bình quân học sinh /lớp:

+ Khối 6: 39 ; Khối 7: 44; Khối 8: 37; Khối 9: 35

- Tỷ lệ huy động học sinh đúng độ tuổi:

Khối 6: 149/157, đạt 94,90%; Khối 7: 161/176, đạt 91,48%; Khối 8: 174/183, đạt 95,08%; Khối 9: 170/180, đạt 94,44%.

- Tổng số học sinh kiểm tra lại năm học 2025-2026:

+ Khối 6: 0 ; Khối 7: 0; Khối 8: 0; Khối 9: 0

- Tổng số học sinh lưu ban sau kiểm tra lại năm học 2025-20256:

+ Khối 6: 0; Khối 7: 0; Khối 8: 0; Khối 9: 0

### 2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường

- Tổng số người làm việc: 34 người. Trong đó :

+ Vị trí lãnh đạo, quản lý: 02 người. Chia ra, Hiệu trưởng: 01 người; Phó hiệu trưởng 01 người.

+ Vị trí hoạt động nghề nghiệp (Giáo viên): 28 người. Chia ra, Tổng phụ trách: 01 người; giáo viên: 27 người. Trong đó, giáo viên thuộc các môn học:

| Tổng số | Ngữ văn | Lịch sử- Địa lý |        |                 | GD&CD | Toán | KHTN   |         |          |         |            | Công nghệ | Âm nhạc | Mỹ thuật | GDTC | Tin học | Tiếng Anh |
|---------|---------|-----------------|--------|-----------------|-------|------|--------|---------|----------|---------|------------|-----------|---------|----------|------|---------|-----------|
|         |         | Lịch sử         | Địa lý | Lịch sử- Địa lý |       |      | Vật lý | Hóa học | Sinh học | Lý -Hóa | Hóa - Sinh |           |         |          |      |         |           |
| 27      | 4       | 1               | 1      | 0               | 1     | 6    | 1      | 3       | 1        | 1       | 0          | 1         | 1       | 1        | 2    | 1       | 3         |

+ Vị trí hỗ trợ: 04 người. Chia ra, Kế toán: 01 người; Văn thư: 01 người;

Thư viện: 01 người; Thiết bị: 0 người; Y tế: 01 người; HTHSKT: 0 người; Giáo vụ: 0 người.

+ Hợp đồng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ và vị trí hỗ trợ theo NĐ 235: 05 người. Chia ra, giáo viên 04 người; giáo vụ: 01 người.

+ Hợp đồng phục vụ không thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức theo NĐ 235: 02 người. Chia ra, Bảo vệ: 01 người; phục vụ: 01 người.

- Trình độ đào tạo, mức đánh giá Chuẩn HT, GV:

+ Vị trí lãnh đạo, quản lý:

\* Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 00; Đại học: 01; Trên đại học: 01

\* Chuẩn HT: Tốt: 01; Khá: 00; Đạt:00; Chưa đạt:00

\* Chuẩn PHT: Tốt: 01; Khá: 00; Đạt:00; Chưa đạt:00

+ Vị trí hoạt động nghề nghiệp (Giáo viên):

\* Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 01; Đại học: 26; Trên đại học: 01

\* Chuẩn GV: Tốt: 18; Khá: 10; Đạt:00; Chưa đạt:00

+ Vị trí hỗ trợ, phục vụ: 04

\* Trình độ đào tạo: Trung cấp 02; Cao đẳng: 00; Đại học: 02; Trên đại học:

00

- Số lượng đảng viên là 24 đ/c, Tỷ lệ 74.58 %.

### 2.3. Về cơ sở vật chất.

#### a) Khối phòng hành chính quản trị

| STT | Tên phòng             | Số lượng | Đạt tiêu chuẩn | Chưa đạt tiêu chuẩn | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------|----------------|---------------------|---------|
| 1   | Hiệu trưởng           | 1        | 1              |                     |         |
| 2   | Phó hiệu trưởng       | 1        | 1              |                     |         |
| 3   | Văn phòng             | 1        | 1              |                     |         |
| 4   | Bảo vệ                | 1        | 1              |                     |         |
| 5   | Khu vệ sinh viên chức | 1        | 1              |                     |         |
| 6   | Khu để xe viên chức   | 1        | 1              |                     |         |

#### b) Khối phòng học tập

- Tổng số phòng học: 18 phòng, Tỷ lệ: 1,0/lớp, tỷ lệ vượt so với quy định là 0,6. Trong đó: kiên cố 18 phòng; cấp 4 là không phòng.

- Tổng số phòng học bộ môn:

| STT | Tên phòng | Số lượng | Đạt tiêu chuẩn | Chưa đạt tiêu | Ghi chú |
|-----|-----------|----------|----------------|---------------|---------|
|-----|-----------|----------|----------------|---------------|---------|

|   |                                    |    |   | <b>chuẩn</b> |                         |
|---|------------------------------------|----|---|--------------|-------------------------|
| 1 | Phòng học                          | 18 | x |              | 18 lớp                  |
| 2 | Phòng học bộ môn Âm nhạc           | 1  | x |              |                         |
| 3 | Phòng học bộ môn Mỹ thuật          |    |   |              | Chưa có                 |
| 4 | Phòng học bộ môn Công nghệ         |    |   |              | Chưa có                 |
| 5 | Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên | 1  | x |              |                         |
| 6 | Phòng học bộ môn Tin học           | 1  | x |              |                         |
| 7 | Phòng học bộ môn Ngoại ngữ         | 1  | x |              |                         |
| 8 | Phòng đa chức năng                 | 1  |   | x            | Chưa đảm bảo theo TT 14 |
| 9 | Khoa học xã hội                    |    |   |              | Chưa có                 |

*c) Khối phòng hỗ trợ học tập*

| STT | Tên phòng                          | Số lượng | Đạt tiêu chuẩn | Chưa đạt tiêu chuẩn | Ghi chú |
|-----|------------------------------------|----------|----------------|---------------------|---------|
| 1   | Thư viện                           | 1        | 1              |                     |         |
| 2   | Thiết bị giáo dục                  |          |                |                     | Chưa có |
| 3   | Tư vấn học đường - Hỗ trợ GD HSKT. | 1        | 1              |                     |         |
| 4   | Phòng Giáo vụ                      | 1        | 1              |                     |         |
| 5   | Truyền thông                       | 1        | 1              |                     |         |
| 6   | Đoàn, Đội                          | 1        | 1              |                     |         |

*d) Khối phụ trợ*

| STT | Tên phòng               | Số lượng | Đạt tiêu chuẩn | Chưa đạt tiêu chuẩn | Ghi chú                 |
|-----|-------------------------|----------|----------------|---------------------|-------------------------|
| 1   | Phòng họp               |          |                |                     | Chưa có                 |
| 2   | Phòng các tổ chuyên môn |          |                |                     | Chưa có                 |
| 3   | Phòng y tế trường học   | 1        | x              |                     |                         |
| 4   | Nhà kho                 |          |                |                     | Chưa có                 |
| 5   | Khu để xe học sinh      | 1        | x              |                     |                         |
| 6   | Khu vệ sinh học sinh    | 3        | x              |                     |                         |
| 7   | Phòng nghỉ giáo viên    |          |                |                     | Chưa có                 |
| 8   | Phòng giáo viên         | 1        |                | x                   | Chưa đảm bảo theo TT 14 |

*d) Khu sân chơi, thể dục thể thao*

- Sân chung: 4.200 m<sup>2</sup>

- Sân thể dục thể thao: 1.200 m<sup>2</sup>; gồm có sân bóng đá, sân bóng chuyền, phòng tập cầu lông, bóng bàn

Thiết bị hiện có: cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy môn Thể dục, bao gồm: Bộ xà đơn, xà kép, xà tay; nệm, cột nhảy cao; dây nhảy, lưới và bóng chuyền (30 quả), lưới cầu môn và bóng đá. Bộ tranh các khối 6,7,8,9; hồ nhảy xa, bàn đạp xuất phát, đồng hồ bấm giờ...

### **3.6. Hạ tầng kỹ thuật**

#### *đ) Hạ tầng kỹ thuật*

- Nhà trường được trang bị hệ thống cấp nước sạch từ giếng khoan sâu 60m, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên và học sinh. Chất lượng nước bảo đảm đạt các tiêu chuẩn theo quy định hiện hành. Hệ thống thoát nước được thiết kế khoa học với cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải hiện đại, bảo đảm nước thải được xử lý đạt chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- Bên cạnh đó, máy lọc nước uống được lắp đặt tại các vị trí phù hợp, cung cấp nước sạch an toàn cho toàn thể viên chức và học sinh trong trường.

- Hệ thống cấp điện đã được nâng cấp toàn diện vào năm 2020, đảm bảo cung cấp điện ổn định, đủ công suất và an toàn cho mọi hoạt động dạy học, hành chính và sinh hoạt của nhà trường. Cùng năm, hệ thống phòng cháy, chữa cháy cũng được đầu tư nâng cấp, tuân thủ đầy đủ các yêu cầu theo quy định hiện hành, góp phần bảo đảm an toàn tuyệt đối cho toàn trường.

- Về hạ tầng công nghệ thông tin, nhà trường đã trang bị hệ thống điện thoại liên lạc và kết nối mạng Internet tốc độ cao, phục vụ hiệu quả cho công tác dạy học trực tuyến cũng như các hoạt động quản lý, điều hành.

- Ngoài ra, nhà trường ký hợp đồng với Hợp tác xã vệ sinh môi trường để thực hiện việc thu gom và xử lý rác thải hàng ngày. Rác được thu gom thường xuyên, vận chuyển đến nơi xử lý tập trung, tuyệt đối không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khuôn viên trường, góp phần giữ gìn môi trường học tập trong lành, sạch đẹp.

#### *e) Thiết bị dạy học:*

- Qua rà soát, kiểm tra thực tế, nhà trường nhận thấy thiết bị dạy học dành cho 04 khối lớp (6, 7, 8, 9) vẫn còn một số thiếu hụt. Trên cơ sở đó, nhà trường đã chủ động tham mưu với các cấp có thẩm quyền, xây dựng kế hoạch bổ sung và mua sắm thiết bị còn thiếu. Đồng thời, đơn vị cũng tiến hành rà soát, tận dụng hiệu quả các thiết bị hiện có, đảm bảo phù hợp và có thể sử dụng chung cho các khối lớp từ 6 đến 9.

- Song song với việc bổ sung thiết bị, nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên bộ môn tự làm đồ dùng dạy học (ĐDDH), góp phần phục vụ thiết thực cho bài giảng, tăng tính trực quan, sáng tạo trong dạy học.

- Hiện tại, các môn học ở khối 6, 7, 8 đã cơ bản có đủ thiết bị và đồ dùng dạy học, đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở.

- Nhà trường hiện có 09 phòng học bộ môn, được trang bị đầy đủ thiết bị, đảm bảo phục vụ tốt các hoạt động giảng dạy và học tập. Thiết bị dạy học, bao gồm cả thiết bị tự làm, được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

g) *Diện tích đất*: 11,981,8 m<sup>2</sup>; tỉ lệ: 17,14 m<sup>2</sup>/HS đảm bảo theo quy định, nhà trường có kế hoạch cải tạo nâng cấp bổ sung trang thiết bị phát huy công năng của cơ sở vật chất để phục vụ hoạt động TDTT trong nhà trường.

## **A. NHIỆM VỤ CHUNG**

1. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Thực hiện giáo dục bắt buộc theo quy định và bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; không để học sinh nào phải gián đoạn học tập vì hoàn cảnh kinh tế, khoảng cách địa lý, khuyết tật, ngôn ngữ hoặc biến động dân cư.

3. Bảo đảm đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; sớm ổn định tổ chức trường, lớp bảo đảm nhà trường hoạt động ổn định, thông suốt từ đầu năm học.

4. Đổi mới quản lý giáo dục phổ thông và quản trị nhà trường; đẩy mạnh chuyển đổi số, trong đó tiếp tục triển khai học bạ số, giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo; tăng cường tổ chức phong trào rèn luyện thể chất và thực hành nghệ thuật; giảm hồ sơ, thủ tục hành chính.

5. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình.

## **B. CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

**I. Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và nâng cao chất lượng dạy học, kiểm tra, đánh giá**

### **1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường**

Nhà trường tiến hành xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2026-2027 trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông, Khung kế hoạch thời gian năm học ban hành kèm theo Quyết định số 2322/QĐ-UBND, các nội dung điều chỉnh, bổ sung của Chương trình và điều kiện thực tế về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu của đơn vị. Việc xây dựng kế hoạch thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ GDĐT

Kế hoạch bảo đảm đầy đủ yêu cầu cần đạt của Chương trình; không cắt xén nội dung, thời lượng hoặc tổ chức thực hiện mang tính hình thức; không đưa vào

kế hoạch những hoạt động chưa được cấp có thẩm quyền cho phép hoặc làm phát sinh chi phí không cần thiết.

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng trên cơ sở tổ chức thảo luận, thống nhất tại các tổ chuyên môn trước khi tổng hợp, hoàn thiện; hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thực hiện; kế hoạch giáo dục của nhà trường được công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị trước ngày 05/9/2026.

Rà soát, cập nhật tài liệu, học liệu; bảo đảm nội dung dạy học phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông.

Tổ chức đầy đủ các môn học, hoạt động giáo dục; tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT, phù hợp với điều kiện thực tế, ưu tiên củng cố kiến thức, phát triển năng lực và hỗ trợ học sinh; tuyệt đối không lợi dụng việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày để dạy thêm, học thêm hoặc thu các khoản trái quy định.

Khi xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cần lựa chọn, tích hợp thiết thực, phù hợp các nội dung giáo dục về quyền con người; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; bình đẳng giới, chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa; bảo tồn văn hóa dân tộc, chủ quyền biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; giáo dục qua di sản; giáo dục an toàn giao thông và các nội dung giáo dục tích hợp khác. Đồng thời hướng dẫn học sinh học tập kiến thức pháp luật về an toàn giao thông đường bộ trên nền tảng Bình dân học vụ số

## **2. Đổi mới phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học**

Đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học; chuyển từ truyền thụ kiến thức sang phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và khả năng tự học của học sinh; đẩy mạnh thực hành, trải nghiệm thực tế để giải quyết các vấn đề của đời sống phù hợp với yêu cầu cần đạt của từng cấp học.

Nhà trường tổ chức chỉ đạo giáo viên thiết kế và triển khai các bài học bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông; chủ động lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học, học liệu, thiết bị dạy học và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tiễn nhà trường; tăng cường ứng dụng công nghệ số, khai thác hiệu quả học liệu số, trí tuệ nhân tạo và tài nguyên giáo dục mở theo hướng dẫn của Bộ GDĐT; kịp thời hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt và tạo cơ hội phát triển đối với học sinh có năng khiếu.

Tổ chức khai thác, sử dụng hiệu quả thư viện, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thiết bị dạy học và học liệu số. Chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý di sản văn hóa, thể thao, đơn vị quản lý di sản, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cộng đồng địa phương trên địa bàn thành phố để tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp điều kiện thực tế. Hoạt động phải có mục tiêu giáo dục rõ ràng, bảo đảm an toàn, thiết thực, phù hợp lứa tuổi, không làm hình thức, không làm

phát sinh chi phí không cần thiết hoặc tạo áp lực đối với học sinh và cha mẹ học sinh.

### **3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá**

Thực hiện kiểm tra, đánh giá đúng quy định tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT đối với cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; bảo đảm khách quan, công bằng, vì sự tiến bộ của học sinh; kết hợp phù hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ.

Đối với môn Ngữ văn, tiếp tục thực hiện kiểm tra đánh giá theo hướng dẫn tại Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông; không sử dụng ngữ liệu đã được học trong Sách giáo khoa làm ngữ liệu (ở cả phần Đọc hiểu và Viết) cho các bài kiểm tra định kì nhằm hướng tới phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. Đối với các bài kiểm tra thường xuyên, giáo viên linh hoạt sử dụng các văn bản trong sách giáo khoa để làm ngữ liệu thiết kế đề kiểm tra nhằm giúp học sinh khắc sâu kiến thức đối với hệ thống văn bản giàu giá trị, đã được chọn lọc, thẩm định kĩ lưỡng, đáp ứng các yêu cầu của môn Ngữ văn trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Nội dung kiểm tra, đánh giá phải bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông. Chú trọng đánh giá khả năng hiểu, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; hạn chế yêu cầu ghi nhớ máy móc, học thuộc lòng, làm bài theo khuôn mẫu. Kết quả đánh giá phải được sử dụng để điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với đối tượng học sinh, phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu cần đạt, bồi dưỡng học sinh giỏi, tư vấn học tập, hướng nghiệp và phối hợp với cha mẹ học sinh.

Tăng cường vai trò của tổ chuyên môn trong hướng dẫn, tổ chức xây dựng ma trận, bản đặc tả, câu hỏi, bài kiểm tra và nhiệm vụ học tập phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình; tổ chức phân tích kết quả kiểm tra định kỳ của từng môn học để điều chỉnh kế hoạch, phương pháp dạy và học phù hợp với đối tượng học sinh. Mỗi tổ/nhóm chuyên môn xây dựng, cập nhật và sử dụng ngân hàng câu hỏi, đề kiểm tra được tích lũy qua các năm học nhằm bảo đảm chất lượng, tính khoa học, khách quan và phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông; đồng thời phục vụ hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Việc trả và lưu trữ đề, bài kiểm tra, đánh giá định kỳ của học sinh thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn tại Văn bản số 946/SGDĐT-GDPT&GDTCX ngày 06/02/2026.

### **4. Tổ chức các nội dung giáo dục gắn với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh**

#### **a) Nội dung giáo dục địa phương**

Nhà trường tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương đúng mục tiêu, yêu cầu cần đạt, phù hợp với đặc điểm lịch sử, văn hóa và điều kiện phát triển của thành phố theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Nhà trường phân công giáo viên giảng dạy nội dung giáo dục địa phương phù hợp với chuyên môn; căn cứ phân công của nhà trường, các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học nội dung giáo dục địa phương theo từng chủ đề, bảo đảm phù hợp điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường và đồng bộ với kế hoạch dạy học các môn học có liên quan, tạo thuận lợi để học sinh liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn tại nhà trường và địa phương. Tiếp tục triển khai các chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn về tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương nhằm nâng cao chất lượng thực hiện.

Giáo viên dạy học chủ đề nào thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó theo kế hoạch dạy học đã xây dựng. Bài kiểm tra, đánh giá định kỳ được xây dựng phù hợp điều kiện thực tiễn của nhà trường; nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm các chủ đề đã tổ chức dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá, bảo đảm yêu cầu cần đạt và tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

Căn cứ vào khung nội dung giáo dục địa phương trên địa bàn thành phố Đồng Nai đã được lồng ghép thông tin, sự kiện, giá trị lịch sử và văn hóa từ chương trình Sử thi nghệ thuật “Đồng Nai – Hào khí phương Nam, vươn mình cùng đất nước” do Sở GDĐT ban hành, nhà trường lựa chọn thông tin phù hợp từ nội dung Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đồng Nai (cũ) và tỉnh Bình Phước (cũ) đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt để tổ chức dạy và học.

### **b) Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thiết thực, an toàn, phù hợp lứa tuổi và điều kiện thực tế; gắn với kỹ năng sống, trách nhiệm cá nhân, cộng đồng và định hướng nghề nghiệp, thực hiện theo Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023.

Hoạt động ngoài nhà trường phải có kế hoạch, phương án bảo đảm an toàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phối hợp với các bên liên quan; có sự đồng thuận của cha mẹ học sinh; tuyệt đối không tổ chức hoạt động ngoài nhà trường khi chưa bảo đảm điều kiện an toàn.

Nhà trường giúp học sinh nhận biết sở thích, năng lực và lựa chọn lộ trình học tập sau trung học cơ sở; gắn hướng nghiệp với lựa chọn môn học, ngành nghề và năng lực cá nhân.

### **c) Giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo**

Căn cứ các kế hoạch, văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp và chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả tại đơn vị.

Tổ chức giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và hỗ trợ phát triển ý tưởng khởi nghiệp phù hợp với mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông, điều kiện nhà trường và năng lực học sinh, thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; gắn với môn học, hoạt động giáo dục, chuyên đề học tập, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp STEM.

Chú trọng hình thành tư duy khoa học, tư duy thiết kế, năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác và vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; kết hợp giáo dục STEM với phát triển năng lực số cho học sinh thông qua các chủ đề, bài học có ứng dụng công nghệ số, công cụ số và AI phù hợp.

Khuyến khích khai thác hiệu quả thiết bị, học liệu hiện có và các nguồn tư liệu phù hợp tại địa phương; tăng cường phối hợp với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, bảo tàng, thư viện và cơ sở sản xuất trên địa bàn thành phố, ưu tiên các mô hình gắn với đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp.

Không tổ chức giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và hỗ trợ phát triển ý tưởng khởi nghiệp theo phong trào, nặng sản phẩm trình diễn, thiếu chiều sâu chuyên môn hoặc làm phát sinh chi phí không cần thiết. Nghiêm cấm việc để người lớn làm thay sản phẩm nghiên cứu của học sinh.

#### **d) Giáo dục năng lực số và sử dụng trí tuệ nhân tạo**

Tổ chức giáo dục phát triển năng lực số, giáo dục trí tuệ nhân tạo và an toàn mạng phù hợp từng cấp học theo Khung năng lực số ban hành kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025, Khung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông ban hành theo Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2026 của Bộ giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn triển khai tại Công văn 5588/BGDĐT-GDPT ngày 19/8/2026 của Bộ GDĐT.

Hướng dẫn học sinh sử dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm, trung thực; phòng ngừa sự phụ thuộc, lạm dụng công nghệ và các nguy cơ trên môi trường số. Nhà trường quy định rõ phạm vi, cách thức học sinh được phép sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo trong học tập và trong kiểm tra, đánh giá.

Kết quả giáo dục năng lực số được xác định theo yêu cầu cần đạt tại văn bản hướng dẫn thực hiện Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT; kết quả giáo dục trí tuệ nhân tạo được xác định theo Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo và các hướng dẫn chuyên môn của Bộ GDĐT.

#### **đ) Tổ chức dạy học tiếng Anh và nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ**

Từng bước tổ chức dạy học và sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong trường học theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ và các kế hoạch của Bộ GDĐT (Quyết định số 8451/BGDĐT-ĐANN ngày 11/12/2025, Quyết định số 3454/QĐ-BGDĐT ngày 17/12/2025, Quyết định số 383/QĐ-BGDĐT ngày 12/2/2026), phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và đối tượng học sinh của từng đơn vị.

Tăng cường mở rộng môi trường giao tiếp, thực hành và sử dụng tiếng Anh trong các môn học, hoạt động giáo dục và sinh hoạt nhà trường; khuyến khích xây dựng câu lạc bộ tiếng Anh, góc tiếng Anh, ngày hội tiếng Anh và các hình thức sử dụng tiếng Anh trong sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp.

Nhà trường tổ chức dạy học các ngoại ngữ theo Chương trình giáo dục phổ thông; đa dạng hóa ngoại ngữ được dạy học phù hợp với nhu cầu của học sinh và điều kiện của nhà trường.

#### **e) Tăng cường giáo dục nghệ thuật**

Tổ chức đa dạng hoạt động giáo dục nghệ thuật trong và ngoài giờ học thông qua môn học, hoạt động giáo dục, câu lạc bộ, sân chơi và trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế. Khuyến khích học sinh sáng tạo, biểu diễn, cảm thụ nghệ thuật; giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống, bản sắc dân tộc và địa phương; tiếp cận có chọn lọc nghệ thuật đương đại phù hợp với lứa tuổi.

#### **g) Giáo dục thể chất và y tế trường học**

Nhà trường tổ chức hiệu quả môn Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và công tác y tế trường học; chú trọng rèn luyện thể lực, chăm sóc sức khỏe học sinh và phòng, chống tai nạn, thương tích trong và ngoài giờ học. Rà soát, bố trí đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, sân bãi, trang thiết bị để tổ chức các nhóm nội dung thể thao tự chọn theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông, bảo đảm phù hợp nhu cầu, nguyện vọng của học sinh và điều kiện thực tiễn của nhà trường.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức đánh giá thể lực học sinh theo quy định, đảm bảo thực hiện phù hợp với từng độ tuổi theo quy định, cập nhật kết quả đánh giá (từng giai đoạn) theo các hướng dẫn của Sở GDĐT.

Nhà trường bảo đảm điều kiện vệ sinh học đường, nước sạch, nhà vệ sinh, theo quy định; bố trí nhân viên y tế trường học theo điều kiện thực tế hoặc xây dựng phương án phối hợp với trạm y tế phường và cơ sở y tế liên quan để theo dõi sức khỏe, sơ cấp cứu và xử lý kịp thời các tình huống phát sinh liên quan sức khỏe học sinh, bảo đảm an toàn trong nhà trường.

#### **h) Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống**

Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống và trách nhiệm công dân; xây dựng văn hóa học đường; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; hình thành ở học sinh các giá trị cốt lõi của con người Việt Nam, yêu nước, ý thức tôn trọng pháp luật, khát vọng cống hiến và trách nhiệm xã hội.

### **5. Một số nhiệm vụ trọng tâm**

Nhà trường tổ chức các hoạt động hỗ trợ học sinh lớp 6 trong giai đoạn chuyển tiếp từ tiểu học lên trung học cơ sở; hướng dẫn phương pháp học tập, kỹ năng tự học, quản lý thời gian và thực hiện nền nếp học tập, góp phần giúp học sinh sớm thích nghi với môi trường, phương thức học tập ở cấp trung học cơ sở.

Rà soát, phát hiện và hỗ trợ kịp thời đối với các nhóm học sinh: kết quả học tập ở tiểu học chưa vững, học sinh chuyển trường, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh gặp khó khăn trong thích nghi hoặc có nguy cơ nghỉ học dài ngày. Ngay từ đầu năm học, mỗi nhà trường lập danh sách học sinh cần hỗ trợ, xây dựng kế

hoạch hỗ trợ phù hợp và phân công giáo viên theo dõi, giúp đỡ; tăng cường phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, tổ tư vấn (nếu có) và cha mẹ học sinh để nâng cao hiệu quả hỗ trợ.

Đối với môn Khoa học tự nhiên, môn Lịch sử và Địa lí, nhà trường phân công giáo viên phù hợp với chuyên môn, tổ chức dạy học bảo đảm đầy đủ yêu cầu cần đạt, không chia cắt cơ học nội dung môn học, thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường tăng cường công tác tư vấn hướng nghiệp, phân luồng theo các kế hoạch của Sở GDĐT; hỗ trợ học sinh lựa chọn lộ trình học tập sau trung học cơ sở phù hợp năng lực, sở thích, điều kiện gia đình và điều kiện thực tiễn của địa phương; cung cấp thông tin đầy đủ về các hướng đi sau THCS để học sinh và cha mẹ học sinh cân nhắc, lựa chọn phù hợp.

## **II. Thực hiện giáo dục bắt buộc và bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục**

### **1. Thực hiện giáo dục bắt buộc**

Nhà trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan, tổ chức liên quan trên địa bàn rà soát, cập nhật, đối chiếu chính xác dữ liệu trẻ em, học sinh trong độ tuổi giáo dục bắt buộc và phổ cập giáo dục theo địa bàn dân cư; quản lý đầy đủ tình trạng đi học, chưa đi học, bỏ học, chuyển đi, chuyển đến và các đối tượng cần hỗ trợ đặc biệt; bảo đảm dữ liệu kịp thời, chính xác, thống nhất và liên thông với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

Phối hợp với chính quyền địa phương phân định rõ trách nhiệm trong công tác điều tra, huy động trẻ ra lớp, duy trì sĩ số, xử lý kịp thời các trường hợp học sinh bỏ học và cập nhật dữ liệu theo địa bàn.

Chủ động phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và chính quyền địa phương bảo đảm mọi trẻ em trong độ tuổi đều được đến trường; kịp thời phát hiện, hỗ trợ các trường hợp có nguy cơ gián đoạn học tập. Nhà trường có trách nhiệm theo dõi sát tình hình chuyên cần hàng tuần; kịp thời thông báo cho gia đình và Ủy ban nhân dân phường đối với trường hợp học sinh nghỉ học không phép từ 03 buổi trở lên để phối hợp xử lý, vận động học sinh trở lại trường.

### **2. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục**

Nhà trường thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn; ưu tiên điều kiện đi học, sách giáo khoa, học liệu, tư vấn tâm lý và kết nối an sinh xã hội.

Tham mưu cấp có thẩm quyền bảo đảm các điều kiện học tập thiết yếu cho học sinh tại đơn vị; khắc phục rào cản do hoàn cảnh kinh tế, khoảng cách địa lý, khuyết tật, ngôn ngữ, ... của học sinh trong quá trình học tập. Việc hỗ trợ phải góp phần duy trì sĩ số, hạn chế học sinh bỏ học, nâng cao kết quả học tập và bảo đảm học sinh hoàn thành chương trình.

### **3. Phát triển giáo dục dân tộc, giáo dục học sinh khuyết tật và giáo dục vùng khó khăn**

Tiếp tục triển khai và mở rộng dạy học các tiếng dân tộc thiểu số đã được ban hành chương trình, sách giáo khoa đáp ứng nhu cầu của học sinh và bảo tồn, phát triển ngôn ngữ các dân tộc.

Thực hiện giáo dục đối với học sinh khuyết tật theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018, Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 và Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26/12/2024 của Bộ GDĐT. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân, bảo đảm nội dung Chương trình giáo dục phổ thông và kỹ năng đặc thù phù hợp với từng dạng khuyết tật, giúp học sinh hòa nhập cuộc sống. Tăng cường phối hợp với gia đình, cơ sở y tế, tổ chức xã hội và cộng đồng trong giáo dục, chăm sóc, phục hồi chức năng và hỗ trợ học sinh tham gia hoạt động giáo dục phù hợp với khả năng, nhu cầu.

### **III. Bảo đảm các điều kiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông**

#### **1. Phát triển mạng lưới trường, lớp**

Thực hiện hiệu quả việc tổ chức rà soát, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, thực hiện hiệu quả các giải pháp để bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục. Việc tổ chức lại trường, lớp kế thừa các yếu tố ổn định, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, bảo đảm thuận lợi cho việc học của học sinh, gắn với các điều kiện nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định, bố trí riêng biệt các khối phòng học, khối phụ trợ, sân chơi, bãi tập, thiết bị vận động và hệ thống phòng học bộ môn phù hợp đặc thù từng cấp học.

Tiếp tục tham mưu cấp có thẩm quyền đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo tỷ lệ phòng học/lớp; sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; bảo đảm tỷ lệ giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học, hoạt động giáo dục và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo quy định.

*Thực hiện hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia*

Nhà trường chủ động công tác tham mưu UBND phường phê duyệt kế hoạch, lộ trình thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; xây dựng mô hình trường học tiêu biểu, điển hình từ đó rút kinh nghiệm để nhân rộng; nhà trường tăng cường áp dụng những mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại, đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế để đáp ứng nhu cầu học tập của người học.

*Thực hiện hiệu quả trường học đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp*

Tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp nhằm xây dựng trường học đạt chuẩn Xanh- Sạch-Đẹp theo Quyết định số 42/QĐ-SGDĐT ngày 17/01/2023 của Giám

độc Sở GDĐT, có kế hoạch tổ chức cho học sinh thực hiện lao động vệ sinh trường, lớp và các công trình trong khuôn viên nhà trường; nhà trường đảm bảo đủ nhà vệ sinh sạch sẽ cho học sinh và giáo viên, có chỗ vệ sinh phù hợp cho học sinh khuyết tật. Tích cực phấn đấu để nhà trường đạt tiêu chuẩn nhà vệ sinh xanh, sạch, đẹp, thân thiện, an toàn.

## **2. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa, tài liệu và học liệu**

Nhà trường thực hiện kiểm kê, đánh giá hiện trạng thiết bị dạy học tối thiểu theo các quy định của Bộ GDĐT, hoàn thành trước ngày 30/9/2026. Chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền đầu tư, nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; ưu tiên phòng học, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thư viện, công trình vệ sinh, nước sạch, điều kiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

Tổ chức quản lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu; đầu tư, mua sắm theo nhu cầu thực tế, tránh lãng phí.

Nhà trường sử dụng bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc trong tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục có liên quan; phát huy tính chủ động, linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện; chủ động cập nhật nội dung dạy học, bảo đảm tính khoa học, hiện đại và phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

Nhà trường chủ động theo dõi, nắm bắt tình hình triển khai sử dụng sách giáo khoa, nếu gặp khó khăn, vướng mắc thì kịp thời báo cáo về Sở GDĐT để tổng hợp, báo cáo Bộ GDĐT xem xét, hướng dẫn, giải quyết.

Bảo đảm cung ứng đầy đủ, kịp thời sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương, học liệu và thiết bị dạy học tối thiểu trước khi bắt đầu năm học; có giải pháp hỗ trợ, không để học sinh thiếu sách giáo khoa, tài liệu và học liệu do hoàn cảnh khó khăn. Nhà trường duy trì tủ sách dùng chung, vận động quyên góp, tặng sách và rà soát danh sách học sinh cần hỗ trợ ngay từ đầu năm học.

## **3. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục**

Nhà trường rà soát đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền bảo đảm đủ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục. Gắn phương án tuyển dụng, tiếp nhận, hợp đồng, bố trí, điều động, biệt phái và sử dụng đội ngũ, ưu tiên khắc phục tình trạng thiếu giáo viên ở các môn học thực hiện đúng quy định của Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15.

Tăng cường bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo yêu cầu vị trí việc làm và yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; chú trọng bồi dưỡng năng lực về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, dạy học môn tích hợp, môn học lựa chọn, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, giáo dục hòa nhập, giáo dục học sinh dân tộc thiểu số và nâng cao năng lực quản trị nhà trường.

Phát huy đội ngũ giáo viên cốt cán, cán bộ quản lý cốt cán trong hỗ trợ chuyên môn; tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong nhà trường và theo cụm trường

thiết thực, bám sát Chương trình giáo dục phổ thông, nhiệm vụ năm học và nhu cầu phát triển nghề nghiệp của đội ngũ, theo Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026; tránh hình thức, không làm phát sinh cấp quản lý trung gian và thủ tục hành chính không cần thiết.

#### **4. Bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia**

Thực hiện bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ GDĐT; sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến chất lượng nhà trường.

Nhà trường tự đánh giá đúng thực trạng, xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng khả thi; không chạy theo thành tích, không hợp thức hóa hồ sơ.

Nhà trường thường xuyên rà soát, xây dựng lộ trình đề củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng; chủ động đề xuất bổ sung điều kiện đối với các tiêu chí có nguy cơ không duy trì được.

#### **IV. Đổi mới quản lý giáo dục, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và chuyển đổi số**

##### **1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp**

Nhà trường thực hiện phân định rõ nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp bảo đảm quản lý thông suốt, đồng bộ và không làm gián đoạn hoạt động dạy học.

UBND phường Bình Lộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo nhà trường thực hiện công tác quản lý học sinh, giáo dục bắt buộc, bảo đảm cơ sở vật chất và an toàn trường học, thực hiện các chính sách hỗ trợ học sinh, phòng ngừa, khắc phục tình trạng học sinh bỏ học và cập nhật, quản lý dữ liệu. Đối với từng nhiệm vụ, xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn thực hiện và trách nhiệm giải trình, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ thời hạn, rõ trách nhiệm và hiệu quả thực hiện.

##### **2. Nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường**

Phát huy quyền chủ động của hiệu trưởng gắn với trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà trường; hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, cải tiến chất lượng, bảo đảm an toàn, công khai và dân chủ theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026.

Nhà trường sử dụng kết quả học tập, rèn luyện, chuyên cần, phản ánh của học sinh, cha mẹ học sinh, dữ liệu đội ngũ, cơ sở vật chất, điều kiện dạy học để điều chỉnh kế hoạch giáo dục, phân công giáo viên, hỗ trợ học sinh, cải tiến chất lượng và giải trình với tổ chức, cá nhân liên quan.

Thực hiện công khai các nội dung theo quy định; phát huy vai trò giám

sát của giáo viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng. Việc công khai được thực hiện trên trang thông tin điện tử của đơn vị và tại trụ sở, bảo đảm dễ tiếp cận, đầy đủ, kịp thời.

### **3. Chuyển đổi số, học bạ số và quản trị dữ liệu giáo dục**

Nhà trường tiếp tục triển khai học bạ số, học liệu số, tuyển sinh trực tuyến và các ứng dụng công nghệ số trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá. Bảo đảm toàn bộ học sinh có học bạ số được cập nhật đầy đủ, kịp thời; dữ liệu học bạ số kết nối về Cơ sở dữ liệu Học bạ số của Bộ GDĐT và liên thông với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục; không yêu cầu học sinh, cha mẹ học sinh cung cấp lại thông tin đã có trên hệ thống.

Cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu giáo dục bảo đảm đúng, đầy đủ, kịp thời, thống nhất, an toàn và dùng chung giữa các cấp quản lý; bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định. Dữ liệu về học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất phải liên thông với dữ liệu giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục, phục vụ thống nhất công tác quản lý, dự báo, điều hành và phân bổ nguồn lực.

Khai thác dữ liệu để phát hiện kịp thời thiếu hụt về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, chính sách hỗ trợ và các nguy cơ ảnh hưởng chất lượng, an toàn. Không yêu cầu cung cấp lại dữ liệu đã có trên hệ thống hoặc trong hồ sơ chuyên môn; không phát sinh hồ sơ, sổ sách ngoài quy định. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu do đơn vị mình cập nhật.

## **V. Bảo đảm an toàn, kỷ cương trường học và tăng cường kiểm tra, giám sát**

### **1. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương**

Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; thực hiện hiệu quả công tác bảo đảm an toàn trường học, xây dựng văn hóa học đường và tăng cường quản lý đạo đức nhà giáo, văn hóa ứng xử và kỷ cương trường học; chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý nghiêm hành vi vi phạm đạo đức nhà giáo, bạo lực học đường, xâm phạm danh dự, nhân phẩm của nhà giáo và học sinh; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý, phòng ngừa, phát hiện và xử lý các vụ việc phát sinh.

Thực hiện các biện pháp phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, tai nạn, mất an toàn thực phẩm, tệ nạn và nguy cơ trên không gian mạng; xây dựng phương án ứng phó, xử lý kịp thời các tình huống mất an toàn. Mỗi cơ sở giáo dục kiện toàn tổ tư vấn tâm lý, công khai kênh tiếp nhận thông tin của học sinh và cha mẹ học sinh ngay từ đầu năm học.

Bảo đảm an toàn đối với học sinh nội trú, bán trú, học sinh ở xa gia đình. Quản lý chặt chẽ việc ăn, ở, sinh hoạt, học tập, chăm sóc sức khỏe, tư vấn tâm lý, phòng chống bạo lực, xâm hại, kỳ thị và phân biệt đối xử. Tăng cường tư vấn tâm lý, công tác xã hội trường học; bố trí người thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế và được bồi dưỡng nghiệp vụ; chủ động phát hiện, tư vấn, hỗ trợ học sinh có khó khăn tâm lý, áp lực học tập và nguy cơ trên môi trường số.

## **2. Quản lý dạy thêm, học thêm; các khoản thu, chi, tài trợ và huy động nguồn lực xã hội**

Thực hiện nghiêm quy định về dạy thêm, học thêm; nâng cao chất lượng dạy học chính khóa trong nhà trường và giảm áp lực học tập cho học sinh. Nghiêm cấm giáo viên ép buộc học sinh học thêm dưới mọi hình thức.

Thực hiện đúng quy định về công khai, quản lý tài chính, thu, chi, tài trợ, huy động nguồn lực xã hội và hoạt động phối hợp, liên kết; bảo đảm tự nguyện, minh bạch, đúng mục đích, đúng thẩm quyền. Các khoản thu phải được thông báo công khai bằng văn bản đến cha mẹ học sinh trước khi thực hiện.

Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý hành vi lạm thu, ép buộc đóng góp, ép buộc học thêm hoặc lợi dụng hoạt động giáo dục, tài trợ và huy động nguồn lực xã hội để thu các khoản trái quy định; không lợi dụng hoạt động phối hợp, liên kết hoặc danh nghĩa tự nguyện để ép buộc học sinh tham gia, thu tiền trái quy định. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở GDĐT và trước pháp luật nếu để xảy ra sai phạm tại đơn vị.

## **3. Kiểm tra, giám sát, tiếp nhận và xử lý phản ánh**

Tăng cường kiểm tra, giám sát các nội dung tác động trực tiếp đến quyền lợi học sinh, chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm; tập trung vào lĩnh vực có nguy cơ phát sinh vi phạm hoặc phản ánh kéo dài. Việc kiểm tra, giám sát phải có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên dữ liệu và tình hình thực tiễn nhằm hỗ trợ, chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng giáo dục; không làm phát sinh hồ sơ, thủ tục và áp lực không cần thiết cho cơ sở giáo dục.

Kịp thời tiếp nhận, xử lý và phản hồi các phản ánh, kiến nghị về hoạt động giáo dục phổ thông; xác định rõ trách nhiệm và thời hạn giải quyết. Chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về nhiệm vụ năm học, kết quả đổi mới giáo dục phổ thông và chính sách đối với học sinh, giáo viên, cơ sở giáo dục, tạo đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

## **VI. Tổ chức thực hiện**

### **1. Trách nhiệm của các thành viên**

#### **a) Đối với Hiệu trưởng**

Hiệu trưởng phát huy vai trò của người đứng đầu, đề cao tinh thần đổi mới và sáng tạo trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản lý, trách nhiệm giải trình của nhà trường, cá nhân thực hiện nhiệm vụ và chức năng giám sát của xã hội, kiểm tra của cấp trên.

Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

### **b) Đối với Phó hiệu trưởng**

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai và chịu trách nhiệm từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

### **c) Tổ trưởng tổ chuyên môn**

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018

Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

Tổ chức và phân công thực hiện hợp lý cho các bộ phận, cá nhân phù hợp với trách nhiệm, quyền hạn và nguồn lực.

Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển của tổ, hợp tác với các tổ chức trong nhà trường.

### **d) Đối với Tổng phụ trách Đội**

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm.

### **đ) Đối với nhân viên Thư viện – Thiết bị**

Tổ chức các hoạt động của thư viện, thiết bị và xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách và tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách.

Tham mưu với lãnh đạo trường về mua sắm bổ sung sách báo, trang thiết bị dạy học theo đề xuất của giáo viên.

### **e) Đối với giáo viên**

Thực hiện tốt công tác và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh.

Quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn.

Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

## **2. Công tác phối hợp**

Để giáo dục học sinh phát triển phẩm chất, năng lực; thực hiện được các kế hoạch giáo dục trường trung học cơ sở, cần huy động được các lực lượng cộng đồng tham gia. Các lực lượng cần huy động tham gia phối hợp thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường bao gồm: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, giáo viên chủ nhiệm, nhân viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh, các tổ chức xã hội: Đoàn phường, xã, Công an, Phụ nữ, các đơn vị kết nghĩa, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ... Mỗi lực lượng giáo dục đều có vai trò và ảnh hưởng riêng, vì vậy cần phải quản lý tốt việc phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tạo môi trường giáo dục tốt nhất cho học sinh.

Hiệu trưởng cùng các bộ quản lý nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất các nội dung và cơ chế phối hợp trong quản lý, giáo dục học sinh và phát triển nhà trường; Cùng đại diện cha mẹ học sinh xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với tâm lý lứa tuổi học sinh trung học cơ sở, theo đúng qui định trong chương trình giáo dục.

Nhà trường chủ động thiết lập các mối quan hệ và cơ chế phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư, các cá nhân và tổ chức khác trong các hoạt động giáo dục cụ thể theo chương trình giáo dục của nhà trường. Trong đó cần xác định rõ trách nhiệm của từng bên và cam kết thực hiện, đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu giáo dục học sinh trung học cơ sở và vì lợi ích tốt nhất của học sinh.

## **3. Chế độ thông tin báo cáo**

Thiết lập đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách theo đúng qui định. Sử dụng, lưu trữ và bảo quản tốt.

Các tổ nhóm chuyên môn thông tin kịp thời những khó khăn hoặc nhiệm vụ phát sinh về ban giám hiệu.

Thường xuyên theo dõi, thống kê, tổng hợp và báo cáo kịp thời các mặt hoạt động của nhà trường cho Ban giám hiệu.

Trên đây là kế hoạch giáo dục của Trường THCS Chu Văn An năm học 2026 -2027. Hiệu trưởng Trường THCS Chu Văn An đề nghị cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong đơn vị cụ thể hóa bằng kế hoạch giáo dục cá nhân và nghiêm túc triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- UBND phường Bình Lộc;
- CB, VC, NLĐ trường;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

